



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II / 2013

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Thuyết minh kết quả hoạt động kinh doanh

**Công ty Cổ phần Beton 6**

VPDD: Tầng 14 Green Power- 35 Tôn Đức Thắng, Q.1, Tp. HCM- T: 08.39119696 - Fax : 08.39119292 -MST: 3700364079

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>1.254.157.648.753</b>	<b>1.227.999.602.952</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>27.224.692.952</b>	<b>73.515.797.360</b>
1. Tiền	111	1	25.824.455.736	70.774.554.016
2. Các khoản tương đương tiền	112	1	1.400.237.216	2.741.243.344
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>53.309.000.000</b>	<b>53.309.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	2	53.309.000.000	53.309.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129	2	-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>761.248.122.909</b>	<b>704.556.496.716</b>
1. Phải thu khách hàng	131		590.472.617.092	547.431.579.573
2. Trả trước cho người bán	132		73.881.431.195	18.696.070.870
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	3	124.658.348.644	165.712.340.309
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(27.764.274.022)	(27.283.494.036)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>390.954.136.447</b>	<b>382.324.770.507</b>
1. Hàng tồn kho	141	4	397.995.076.289	389.365.710.349
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.040.939.842)	(7.040.939.842)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>21.421.696.445</b>	<b>14.293.538.369</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		211.129.188	251.149.126
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5	184.919.174	2.263.350.350
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		53.730.539	53.730.539
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		20.971.917.544	11.725.308.354
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>436.544.129.995</b>	<b>464.760.450.741</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	6	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	7	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>180.956.661.880</b>	<b>315.613.259.099</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	67.770.863.105	73.427.544.138
- Nguyên giá	222		246.149.429.428	245.397.181.452
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(178.378.566.323)	(171.969.637.314)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	10	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	60.015.432.341	190.831.378.471
- Nguyên giá	228		77.168.709.783	206.213.859.783
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.153.277.442)	(15.382.481.312)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	53.170.366.434	51.354.336.490

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔN 6**

Km 1877, Quốc lộ 1K, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
1	2	3	4	5
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>3.331.178.400</b>	<b>3.331.178.400</b>
- Nguyên giá	241		3.331.178.400	3.331.178.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>72.307.153.239</b>	<b>93.095.408.455</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		50.570.099.375	71.358.354.591
3. Đầu tư dài hạn khác	258	12	67.106.510.000	67.106.510.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(45.369.456.136)	(45.369.456.136)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>158.141.778.478</b>	<b>29.194.120.453</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	143.909.098.881	14.961.440.856
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	20	1.977.807.037	1.977.807.037
3. Tài sản dài hạn khác	268		12.254.872.560	12.254.872.560
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>			<b>21.807.357.998</b>	<b>23.526.484.334</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.690.701.778.748</b>	<b>1.692.760.053.693</b>

M.S.N

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6**

Km 1877, Quốc lộ 1K, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1.216.405.686.506</b>	<b>1.199.133.245.685</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.207.089.340.112</b>	<b>1.175.172.592.791</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	640.868.588.303	547.425.056.238
2. Phải trả người bán	312		316.420.295.372	350.561.425.359
3. Người mua trả tiền trước	313		108.763.885.125	155.339.855.697
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	314	15	26.741.347.772	29.976.392.821
5. Phải trả người lao động	315		5.999.458.845	16.377.694.598
6. Chi phí phải trả	316	16	28.480.904.840	15.199.006.243
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	17	63.674.295.185	42.495.714.296
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		16.140.564.670	17.797.447.539
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>9.316.346.394</b>	<b>23.960.652.894</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	14.980.578.520
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	18		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	19	8.832.172.020	8.495.900.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	20		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		484.174.374	484.174.374
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>432.952.409.263</b>	<b>449.022.030.216</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>432.952.409.263</b>	<b>449.022.030.216</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	21	329.935.500.000	329.935.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	21	72.390.938.962	67.795.977.543
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	21	291.588.227	343.940.060
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		30.334.382.074	50.946.612.613
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		-	-
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>			<b>41.343.682.979</b>	<b>44.604.777.792</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)</b>	<b>430</b>		<b>1.690.701.778.748</b>	<b>1.692.760.053.693</b>

Ghi chú: - Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (\*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn ()

Người lập biểu



HỒ THỊ NGỌC TUYẾT

Giám đốc Tài chính



LÊ ANH THI

Ngày 15 tháng 08 năm 2013

Tổng Giám Đốc



HÀ THANH MẢN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Quý 2 Năm 2013

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	240.690.268.011	285.586.446.430	531.484.307.109	526.454.155.127
2. Các khoản giảm trừ	03	23	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10	24	240.690.268.011	285.586.446.430	531.484.307.109	526.454.155.127
4. Giá vốn hàng bán	11	25	201.835.454.182	268.136.708.501	457.333.845.833	460.481.547.388
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		38.854.813.829	17.449.737.929	74.150.461.276	65.972.607.739
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	3.807.698.830	5.717.143.258	3.952.943.240	6.790.819.340
7. Chi phí tài chính	22	27	18.406.735.770	26.421.786.451	38.158.309.393	56.108.695.683
- Trong đó chi phí lãi vay	23		18.415.840.303	26.475.018.149	37.981.979.235	55.540.734.907
8. Chi phí bán hàng	24		1.392.895.141	1.738.947.299	2.815.921.958	3.761.720.614
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17.008.222.906	14.116.551.936	30.562.669.138	27.442.350.283
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		5.854.658.842	(19.110.404.499)	6.566.504.027	(14.549.339.501)
11. Thu nhập khác	31		5.043.650.850	18.157.639.870	5.177.179.249	19.713.687.480
12. Chi phí khác	32		430.702.420	536.545.339	1.759.613.058	1.267.463.152
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		4.612.948.430	17.621.094.531	3.417.566.191	18.446.224.328
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(4.788.255.216)	(623.391.272)	(4.788.255.216)	(623.391.272)
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>5.679.352.056</b>	<b>(2.112.701.240)</b>	<b>5.195.815.002</b>	<b>3.273.493.555</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	3.412.400.371	2.714.916.071	4.585.995.363	5.009.066.548
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(1.769.987.777)	-	(1.769.987.777)
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>2.266.951.685</b>	<b>(3.057.629.534)</b>	<b>609.819.639</b>	<b>34.414.784</b>
<b>18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số</b>	<b>61</b>		<b>(1.314.887.864)</b>	<b>(485.417.764)</b>	<b>(2.635.781.859)</b>	<b>(1.217.974.823)</b>
<b>18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ</b>	<b>62</b>		<b>3.581.839.549</b>	<b>(2.572.211.770)</b>	<b>3.245.601.498</b>	<b>1.252.389.607</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>		<b>109</b>	<b>(78)</b>	<b>98</b>	<b>38</b>

Người lập biểu

HỒ THỊ NGỌC TUYẾT

Giám đốc Tài chính

LÊ ANH THI



Ngày 15 tháng 08 năm 2013

Tổng Giám Đốc

HÀ THANH MÃN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	5	6
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		479.892.726.202	509.394.074.297
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(504.515.909.360)	(466.935.464.053)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(55.126.295.073)	(59.770.206.064)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(37.804.189.035)	(58.191.984.184)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(12.428.927.044)	(150.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		28.558.612.446	5.346.752.619
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(46.885.465.518)	(41.324.617.993)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(148.309.447.382)</b>	<b>(111.631.445.378)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(2.494.229.175)	(4.500.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	783.894.800
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(19.299.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	89.063.296.562
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(1.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		26.483.179.664	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	26	283.938.562	5.515.248.770
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>24.272.889.051</b>	<b>70.063.440.132</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	20	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	20	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		488.839.766.642	404.646.492.260
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(394.979.962.557)	(367.201.604.319)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	20	(16.114.350.162)	(236.847.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>77.745.453.923</b>	<b>37.208.040.941</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(46.291.104.408)</b>	<b>(4.359.964.305)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>73.515.797.360</b>	<b>60.980.000.459</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(58.407.099)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>27.224.692.952</b>	<b>56.561.629.055</b>

Người lập biểu

HỒ THỊ NGỌC TUYẾT

Giám đốc Tài chính

LÊ ANH THI

Ngày 15 tháng 08 năm 2013

Tổng Giám Đốc



HÀ THANH MẮN

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### Năm 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cổ phần bê tông 6 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần bê tông 6 và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh cấu kiện bê tông đúc sẵn.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất và lắp ghép cấu kiện bê tông đúc sẵn (dầm, cọc..); Sản xuất các loại vật liệu xây dựng; Gia công và sửa chữa các dụng cụ, máy móc thiết bị cơ khí; Xây dựng các công trình giao thông, cầu cống, đường bộ, bến cảng; Nạo vét, bồi đắp mặt bằng, đào đắp, thi công nền móng công trình, thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn; Xây dựng các công trình công nghiệp; Dịch vụ vận chuyển sản phẩm bê tông tươi siêu trường, siêu trọng; Xuất nhập khẩu vật tư nguyên liệu, phụ tùng ngành xây dựng.
4. **Tổng số các công ty con** : 06  
*Trong đó:*  
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 06

#### 5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620	Km 1877, Quốc lộ 1K, ấp Châu Thới, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương	99,85%	99,85%
Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico	Ấp Tân Lợi, xã Đất Cuốc, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	57,57%	57,57%
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bình Châu	45B/12, Quốc lộ 1K, ấp Nội Hóa 2, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương	60,00%	60,00%
Công ty cổ phần Bê tông 6 Miền Trung	490 Hai Bà Trưng, khối An Phong, phường Tân An, TP. Hội An, tỉnh Quảng Nam	51,00%	51,00%
Công ty cổ phần Bestcon	Lầu 14 Sailing Tower 111A Pasteur phường Bến Nghé, quận 1	74,00%	74,00%
Công ty cổ phần xây dựng giao thông Bê tông 6	Lô 20 (B3.12) Khu đô thị mới Phú Mỹ An, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng	51,00%	51,00%

#### 6. Danh sách công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ phân sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần bê tông 620 – Bình Minh	Ấp Mỹ Hưng, xã Mỹ Hòa, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long	20,83%	20,83%

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Km 1877, Quốc lộ 1K, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

### BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần bê tông 620 Long An	Áp 2, xã An Thạnh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	38,10%	38,10%
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	Áp 4, xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	20,01%	20,01%

#### 7. Danh sách công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Lý do</i>
Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre	107/C đường tỉnh 884, ấp 1, xã Sơn Đông, tỉnh Bến Tre	Đang trong quá trình giải thể
Công ty TNHH thi công cơ giới Châu Thới	Số 46 đường 14, khu phố 5, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Không có thông tin tình hình tài chính
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Hậu Giang	Cụm công nghiệp tập trung Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	Đã giải thể
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Đắk Lắk	Số 02 đường Trịnh Văn Cấn, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Không có thông tin tình hình tài chính
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Sao Phương Nam	Áp 4, xã Lương Bình, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	Dự kiến thanh lý

Hiện tại Tập đoàn dự kiến thanh lý các khoản đầu tư này. Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán toàn bộ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết này đã lập dự phòng (xem thuyết minh số V.17).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần bê tông 6 đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ và nhật ký chung.



## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Km 1877, Quốc lộ 1K, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần bê tông 6 (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

#### 3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

#### 4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Km 1877, Quốc lộ 1K, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

### BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết, giá trị còn lại của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền đối với hoạt động sản xuất, tính theo phương pháp thực tế đích danh đối với hoạt động xây dựng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### 8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Km 1877, Quốc lộ 1K, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

### BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính hữu hình đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-25
Máy móc và thiết bị	5-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5-7
Tài sản cố định khác	2-15

#### 10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn (thời gian sử dụng đất lâu dài) nên không tính khấu hao.

#### 11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

##### ***Phần mềm máy tính***

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN BÉ TON 6**

Km 1877, Quốc lộ 1K, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

### **BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao từ 8 đến 20 năm.

#### ***Quyền khai thác mỏ đá***

Quyền khai thác mỏ đá phát sinh do đánh giá lại giá trị tài sản thuần tại ngày mua của Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico. Quyền khai thác mỏ đá được khấu hao trong 226 tháng.

#### **12. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### **13. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

#### **14. Chi phí trả trước dài hạn**

##### ***Chi phí mở rộng sửa chữa nhà xưởng***

Chi phí sửa chữa bao gồm: Chi phí mở rộng, sửa chữa nhà xưởng, sửa chữa nội trộn bê tông. Chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 05 năm.

##### ***Chi phí bốc tầng phủ***

Chi phí này được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

##### ***Chi phí thuê đất***

Chi phí thuê đất là toàn bộ chi phí thực tế Công ty cổ phần bê tông ly tâm Dung Quất đã chi ra có liên quan trực tiếp tới việc thuê đất xây dựng Công ty, bao gồm: chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, chi phí di dời đường dây điện 22KV và 0,4KV ra ngoài diện tích đất của Công ty và các chi phí liên quan khác... Khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê đất (49 năm).

##### ***Chi phí khác***

Các khoản chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa phát sinh được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

#### **15. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

#### **16. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

#### **17. Các khoản dự phòng phải trả**

Dự phòng bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm, công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập bằng 5% doanh thu bán sản phẩm và 5% tổng giá trị công trình đối với các công trình xây lắp.

#### **18. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Km 1877, Quốc lộ 1K, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

### BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ các công ty trong Tập đoàn.

#### 19. **Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

#### 20. **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### 21. **Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

## **CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6**

*Km 1877, Quốc lộ 1K, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương*

### *BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

#### **22. Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6**

Km 1877, Quốc lộ 1K, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
- Tiền mặt	6.445.757.421	5.784.977.862
- Tiền gửi ngân hàng	19.378.698.315	47.936.949.583
- Các khoản tương đương tiền	1.400.237.216	2.728.581.716
<b>Cộng</b>	<b>27.224.692.952</b>	<b>56.450.509.161</b>
<b>2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác	53.309.000.000	153.495.332.602
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>53.309.000.000</b>	<b>153.495.332.602</b>
<b>3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>		
- Phải thu về cổ phần hoá	-	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	10.115.543.333	9.678.043.333
- Phải thu người lao động	-	-
- Ký quỹ ký cược ngắn hạn	-	-
- Phải thu khác	114.542.805.311	18.074.471.316
<b>Cộng</b>	<b>124.658.348.644</b>	<b>27.752.514.649</b>
<b>4. Hàng tồn kho</b>		
- Hàng mua đang đi trên đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	27.243.521.010	43.426.998.933
- Công cụ, dụng cụ	762.698.796	1.365.206.602
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	246.487.493.473	184.096.755.633
- Thành phẩm	119.537.400.316	165.660.253.731
- Hàng hoá	1.560.798.712	1.728.972.613
- Hàng gửi đi bán	2.403.163.982	2.403.163.982
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>397.995.076.289</b>	<b>398.681.351.494</b>
<b>5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>		
- Thuế TNDN nộp thừa	-	-
- Thuế GTGT còn được khấu trừ	184.919.174	13.952.196.091
- Các khoản khác phải thu Nhà Nước	53.730.539	53.730.539,00
<b>Cộng</b>	<b>238.649.713</b>	<b>14.005.926.630</b>
<b>6. Phải thu dài hạn nội bộ</b>		
- Cho vay dài hạn nội bộ	-	-
- Phải thu dài hạn nội bộ khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>7. Phải thu dài hạn khác</b>		
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-
- Các khoản tiền nhận ủy thác	-	-
- Cho vay không có lãi	-	-
- Phải thu dài hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6**

Km 1877, Quốc lộ 1K, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( tiếp theo)****8. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>36.177.800.107</b>	<b>99.082.305.196</b>	<b>83.882.377.946</b>	<b>4.434.773.789</b>	<b>21.819.924.414</b>	<b>245.397.181.452</b>
- Mua trong năm		5.278.900.998				5.278.900.998
- Đầu tư XD/CB hoàn thành						-
- Tăng khác						-
- Chuyển sang BĐS đầu tư						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác	80.869.382	3.529.764.222	164.698.097	751.321.321		4.526.653.022
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>36.096.930.725</b>	<b>100.831.441.972</b>	<b>83.717.679.849</b>	<b>3.683.452.468</b>	<b>21.819.924.414</b>	<b>246.149.429.428</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>15.988.082.397</b>	<b>72.707.660.921</b>	<b>65.688.228.222</b>	<b>3.278.932.442</b>	<b>14.306.733.332</b>	<b>171.969.637.314</b>
- Khấu hao trong kỳ	1.424.835.351	4.503.308.832	2.883.729.030	301.777.540	893.333.053	10.006.983.806
- Chuyển sang BĐS đầu tư						-
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác	49.513.514	2.711.024.980	164.698.097	672.818.206		3.598.054.797
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>17.363.404.234</b>	<b>74.499.944.773</b>	<b>68.407.259.155</b>	<b>2.907.891.776</b>	<b>15.200.066.385</b>	<b>178.378.566.323</b>
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH</b>						
- Tại ngày đầu năm	20.189.717.710	26.374.644.275	18.194.149.724	1.155.841.347	7.513.191.082	73.427.544.138
- Tại ngày cuối kỳ	18.733.526.491	26.331.497.199	15.310.420.694	775.560.692	6.619.858.029	67.770.863.105

\* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ HH đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:

\* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

\* Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:

\* Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ HH có giá trị lớn chưa thực hiện:

**9. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền khai thác mỏ đá	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>175.905.163.044</b>	<b>30.239.326.637</b>		<b>69.370.102</b>		<b>206.213.859.783</b>
- Tăng trong kỳ						-
- Giảm trong kỳ	129.045.150.000					129.045.150.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>46.860.013.044</b>	<b>30.239.326.637</b>	-	<b>69.370.102</b>	-	<b>77.168.709.783</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>10.139.320.336</b>	<b>5.218.290.876</b>		<b>24.870.100</b>	-	<b>15.382.481.312</b>
- Khấu hao trong kỳ	962.982.150	802.813.982		4.999.998		1.770.796.130
- Giảm khác	-					-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>11.102.302.486</b>	<b>6.021.104.858</b>	-	<b>29.870.098</b>	-	<b>17.153.277.442</b>
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH</b>						
- Tại ngày đầu năm	165.765.842.708	25.021.035.761	-	44.500.002	-	190.831.378.471
- Tại ngày cuối kỳ	35.757.710.558	24.218.221.779	-	39.500.004	-	60.015.432.341



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6**

Km 1877, Quốc lộ 1K, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****10. Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>		-			-
- Thuê tài chính trong năm		-			-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính		-			-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính					-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	-	-	-	-	-
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>		-			-
- Khấu hao trong năm		-			-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính		-			-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính					-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	-	-	-	-	-
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính</b>					
- Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-
- Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	-	-

\* Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm:

\* Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm

\* Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
- Chi phí XD CB dở dang	53.170.366.434	43.477.999.233
Trong đó: những công trình lớn		
+ Công trình: mở rộng sân bãi	8.586.545.434	8.586.545.434
+ Công trình: mô sét Bảo Lộc	2.690.123.343	2.540.122.343
+ Công trình: mô đá Thường Tân	12.007.630.000	5.860.000.000
+ Công trình: nhà xưởng nhà máy cao lanh	559.363.636	559.363.636
+ Công trình: NM BT6 Long Hậu	29.140.183.715	25.931.967.820
<b>Cộng</b>	<b>53.170.366.434</b>	<b>43.477.999.233</b>

**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
- Chi phí bốc phủ	6.087.908.488	6.128.858.784
- Chi phí sửa chữa lớn nhà xưởng, MMTB	3.701.771.855	4.895.696.815
- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn	1.650.000.000	1.650.000.000
- Chi phí trang trí nội thất	1.760.168.034	3.689.804.592
- Phần mềm AX		2.417.471.282
- Thuê đất Long Hậu	129.045.150.000	
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.664.100.504	472.161.505
<b>Cộng</b>	<b>143.909.098.881</b>	<b>19.253.992.978</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6**

Km 1877, Quốc lộ 1K, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

**13. Đầu tư dài hạn khác****b/ Đầu tư vào công ty liên kết**

	<u>Cuối kỳ</u>		<u>Đầu kỳ</u>	
	<u>SỐ LƯỢNG</u>	<u>GIA TRI</u>	<u>SỐ LƯỢNG</u>	<u>GIA TRI</u>
Cty CP Bê tông 620 Long An		50.570.099.375		71.358.354.591
Cty CP XD 620 - Bến Tre		815.200.000		20.788.255.216
Cty CP Bê Tông 620 Bình Minh		15.884.604.346		815.200.000
Cty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		20.338.609.959		15.884.604.346
Cty TNHH TCCG Châu Thới		300.000.000		20.338.609.959
Cty CP VLXD Sao Phương Nam		3.400.000.000		300.000.000
Cty CP ĐTPT 620 Hậu Giang		1.000.000.000		3.400.000.000
Cty CP ĐTPT 620 Daklak		6.620.000.000		1.000.000.000
Cty CP Đầu tư Phát triển 620 Quảng Ngãi		2.211.685.070		6.620.000.000
<b>c/ Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>67.106.510.000</b>		<b>2.211.685.070</b>
NH Sài Gòn Công Thương	89.925	846.510.000	89.925	846.510.000
Cty CP Cảng Vĩnh Long	300.000	3.060.000.000	300.000	3.060.000.000
Cty CP Trang Trí Đá Vĩnh Cửu	60.000	2.040.000.000	60.000	2.040.000.000
Cty CP Đồng Tâm	325.000	30.500.000.000	325.000	30.500.000.000
Cty CP XNK & XDCT (Tranimexco)	150.000	2.050.000.000	150.000	2.050.000.000
Cty CP Bê tông Sài Gòn Sáu Hai Mười	150.000	1.500.000.000	150.000	1.500.000.000
Cty CP BOT Cầu Phú Mỹ	151.600	15.160.000.000	151.600	15.160.000.000
Cty TNHH Bê Tông 620 Đồng Tâm		4.950.000.000		4.950.000.000
Cty CP đá Hoa Tân An		7.000.000.000		7.000.000.000

**\_ Lý do thay đổi**

Thanh lý Công ty Cổ phần 620 Long An

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6**

Km 1877, Quốc lộ 1K, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
<b>14. Vay và nợ ngắn hạn</b>		
- Vay ngắn hạn	638.845.788.303	615.900.322.174
- Nợ dài hạn đến hạn trả	2.022.800.000	1.825.200.000
<b>Cộng</b>	<b>640.868.588.303</b>	<b>617.725.522.174</b>
<b>15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>		
- Thuế GTGT hàng hoá DV bán ra	5.939.547.405	1.036.765.365
- Thuế GTGT hàng NK	378.512.189	-
- Thuế xuất nhập khẩu	55.898.383	-
- Thuế TNDN	14.120.535.451	18.246.556.670
- Thuế thu nhập cá nhân	427.586.215	649.012.243
- Thuế tài nguyên	4.259.463.354	4.071.100.616
- Các loại thuế khác	-	38.446.510
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.559.604.775	949.349.651
<b>Cộng</b>	<b>26.741.147.772</b>	<b>24.991.231.055</b>
<b>16. Chi phí phải trả</b>		
- Trích trước chi phí thi công công trình xây lắp	15.596.551.773	6.233.977.937
- Trích trước chi phí vận chuyển	-	386.951.018
- Chi phí vật tư	-	-
- Lãi thuê đất	10.602.730.042	5.591.652.133
- Lãi vay	676.851.525	1.282.652.133
- Tiền thuê đất	-	158.871.715
- Trích trước chi phí chung	1.604.771.500	2.092.635.087
<b>Cộng</b>	<b>28.480.904.840</b>	<b>15.746.740.023</b>
<b>17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>		
- Tài sản thừa chờ giải quyết		
- BHXH, BHYT, BHTN và Kinh phí Công đoàn	3.856.998.382	3.696.000.850
- Cổ tức phải trả	16.769.478.512	19.893.953.500
- Tạm nhập kho NVL	1.220.417.009	1.220.417.009
- Mượn tiền	33.804.653.000	
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.022.748.282	7.154.811.116
<b>Cộng</b>	<b>63.674.295.185</b>	<b>31.965.182.475</b>
<b>18. Phải trả dài hạn nội bộ</b>		
- Vay dài hạn nội bộ	-	-
- .....	-	-
- Phải trả dài hạn nội bộ khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>19. Các khoản vay và nợ dài hạn</b>		
<b>a. Vay dài hạn</b>		
+ Vay ngân hàng	8.832.172.020	12.183.400.000
+ Vay đối tượng khác	8.832.172.020	12.183.400.000
+ Trái phiếu phát hành	-	-
<b>b. Nợ dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
+ Thuê tài chính		
+ Nợ dài hạn khác		
<b>Cộng</b>	<b>8.832.172.020</b>	<b>12.183.400.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6**

Km 1877, Quốc lộ 1K, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****♣ Các khoản nợ thuê tài chính**

Chi tiêu	Kỳ này			Kỳ này năm trước		
	Tổng khoản t/t tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản t/t tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Dưới 1 năm						
Từ 1 - 5 năm				-	-	-
Trên 5 năm						

**20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả****a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:**

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng
- Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các Kỳ này năm trước

**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**Kỳ nàyKỳ này năm trước

-	-	1.769.987.777
-	-	1.769.987.777
-	-	-
-	-	-
-	-	-
-	-	-

**b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế
- Khoản hoàn lại thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các Kỳ này năm trước
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Kỳ nàyKỳ này năm trước

-	-	-
-	-	-
-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6**

Km 1877, Quốc lộ 1K, Phường Bình An, Thị xã Di An, Tỉnh Bình Dương

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****21. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
A	1	2	3	4	5	7
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>329.935.500.000</b>	-	<b>(3.028.053.115)</b>	<b>57.215.672.169</b>	<b>280.916.379</b>	<b>58.072.864.018</b>
- Lợi nhuận trong năm					-	23.800.332.037
- Chia cổ tức trong năm						(16.496.775.000)
- Phát hành cổ phiếu thường						
- Trích lập các quỹ trong năm				10.580.305.374	63.023.681	(14.126.992.372)
- Tăng khác						
- Giảm khác			3.028.053.115		-	(302.816.070)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>329.935.500.000</b>	-	-	<b>67.795.977.543</b>	<b>343.940.060</b>	<b>50.946.612.613</b>
- Lợi nhuận trong năm						3.245.601.498
- Chia cổ tức trong năm						(16.496.775.000)
- Trích lập các quỹ trong năm				4.685.520.513		(7.303.557.037)
- Tăng khác						
- Giảm khác			(90.559.094)		(52.351.833)	(57.500.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>329.935.500.000</b>	-	-	<b>72.390.938.962</b>	<b>291.588.227</b>	<b>30.334.382.074</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6**

Km 1877, Quốc lộ 1K, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
- Vốn góp của Nhà nước	19.569.030.000	19.569.030.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	310.366.470.000	310.366.470.000
- .....		
<b>Cộng</b>	<b>329.935.500.000</b>	<b>329.935.500.000</b>
* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm		
* Số lượng cổ phiếu quỹ		

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	329.935.500.000	329.935.500.000
+ Vốn góp tăng trong năm (chia CP thưởng)	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	329.935.500.000	329.935.500.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		-

**d. Cổ tức**

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán
  - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông
  - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

**e. Cổ phiếu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.993.550	32.993.550
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.993.550	32.993.550
+ Cổ phiếu thường	32.993.550	32.993.550
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu thường		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.993.550	32.993.550
+ Cổ phiếu thường	32.993.550	32.993.550
+ Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

**f. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	72.390.938.962	67.801.837.405
- Quỹ dự phòng tài chính	291.588.227	349.799.922
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

**g. Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
- Giảm quỹ dự phòng tài chính do xử lý nợ khó đòi	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6**

Km 1877, Quốc lộ 1K, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
<b>22. Doanh thu</b>		
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>531.484.307.109</b>	<b>526.454.155.127</b>
* Trong đó		
- Doanh thu sản phẩm bê tông	203.920.426.578	160.741.526.043
- Doanh thu khác	20.947.059.361	36.154.180.573
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	306.616.821.170	329.558.448.511
+ Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ	306.616.821.170	329.558.448.511
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập BCTC	306.616.821.170	329.558.448.511
<b>23. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<u><b>Kỳ này</b></u>	<u><b>Kỳ này năm trước</b></u>
* Trong đó		
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán trả lại	-	-
- Thuế GTGT phải nộp (PP trực tiếp)	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
- Thuế xuất khẩu	-	-
<b>24. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<u><b>Kỳ này</b></u>	<u><b>Kỳ này năm trước</b></u>
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	531.484.307.109	526.454.155.127
* Trong đó		
+ Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hoá		
+ Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ		
<b>25. Giá vốn hàng bán</b>	<u><b>Kỳ này</b></u>	<u><b>Kỳ này năm trước</b></u>
- Giá vốn của xây dựng	266.278.938.453	284.654.162.828
- Giá vốn sản phẩm bê tông	166.577.779.516	140.407.223.702
- Giá vốn khác	24.477.127.864	35.420.160.858
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Cộng</b>	<b>457.333.845.833</b>	<b>460.481.547.388</b>
<b>26. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<u><b>Kỳ này</b></u>	<u><b>Kỳ này năm trước</b></u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.515.443.240	5.991.399.025
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	437.500.000	740.915.700
- Lãi bán ngoại tệ	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	58.504.615
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
- Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.952.943.240</b>	<b>6.790.819.340</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6**

Km 1877, Quốc lộ 1K, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****27. Chi phí tài chính**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
- Lãi tiền vay	37.981.979.235	55.540.734.907
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	117.588.643	-
- Lãi thuê đất trả chậm		-
- Lãi trái phiếu		-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		627.960.776
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	58.741.515	-
- Hoàn nhập dự phòng		(60.000.000)
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		-
- Chi phí tài chính khác		-
<b>Cộng</b>	<b>38.158.309.393</b>	<b>56.108.695.683</b>

**28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
- Chi phí thuế TNDN tính trên TN chịu thuế năm hiện hành	4.585.995.363	5.009.066.548
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.585.995.363</b>	<b>5.009.066.548</b>

**29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	(1.769.987.777)
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế TN hoãn lại	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế TN hoãn lại phải trả	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>(1.769.987.777)</b>



**31. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BC lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do DN nắm giữ nhưng không được sử dụng**

- a. Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu
  - Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu
- b. Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo
- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý
  - Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và các khoản tương đương tiền
  - Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý
  - Phần giá trị tài sản (Tổng hợp theo từng loại tài sản) và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong kỳ
- c. Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do DN nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà DN phải thực hiện

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****Giao dịch với các bên liên quan****1/ Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
Tiền lương	1.568.509.673	1.835.809.937
Thù lao được hưởng	220.800.000	182.000.000
Tiền thưởng	391.662.372	24.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.180.972.045</b>	<b>2.041.809.937</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6**

Km 1877, Quốc lộ 1K, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****2/ Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
<b>Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre</b>		
Bán sản phẩm Bê tông	1.531.194.599	1.531.194.599
Vay hộ	2.109.460.846	2.109.460.846
Cổ tức phải thu	87.043.333	87.043.333
Cho mượn	100.000.000	100.000.000
<b>Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới</b>		
Phải thu lại khoản tạm ứng thi công cầu Mỹ Lợi	1.342.933.138	201.909.131
Cổ tức được chia	1.996.475.993	3.000.000.000
Thu hồi vốn góp của Công ty cổ phần Cảng Bình Minh	3.274.620.871	3.274.620.871
<b>Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu</b>		
Thi công công trình	3.531.893.485	3.821.442.000
<b>Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 6</b>		
Thi công công trình	1.071.293.987	1.071.293.987
<b>Công ty cổ phần bê tông 620 Long An</b>		
Cổ tức được chia	3.040.000.000	1.920.000.000
Phải thu lại khoản tạm ứng thi công cầu Mỹ Lợi	522.933.138	
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>18.607.849.390</b>	<b>17.116.964.767</b>

Người lập biểu


**HỒ THỊ NGỌC TUYẾT**

Giám đốc Tài chính


**LÊ ANH THI**

Lập ngày 15 tháng 08 năm 2013

Tổng Giám Đốc

**HÀ THANH MÃN**

